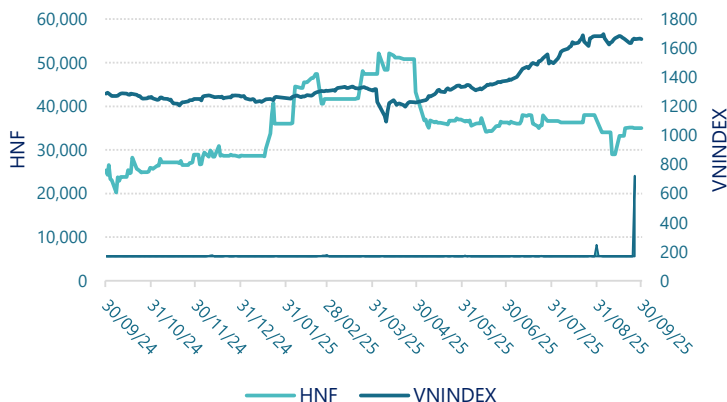




CTCP Thực phẩm Hữu Nghị (UPCOM: HNF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	35,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,135
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,241
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,050
P/E	7.0
EPS	4,980

DT thuần

Q3/25

534

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 189 | 54.8%

YoY: ▼ 4.00 | -0.7%

LN sau thuế

Q3/25

39.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.2 | 362%

YoY: ▼ 5.50 | -12.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.3%

+/- YoY: ▼ 1.4%

DT thuần

9T 2025

1,264

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 87.0 | -6.4%

LN sau thuế

9T 2025

77.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 28.4 | -26.9%

ROE

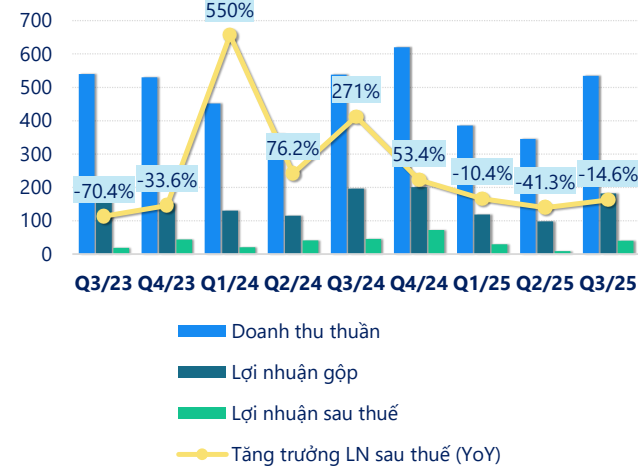
Q3/25

22.1%

+/- YoY: ▼ 3.2%

tỷ VNĐ

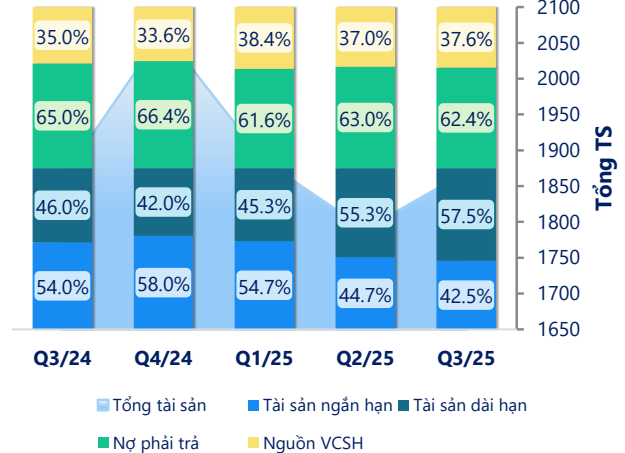
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

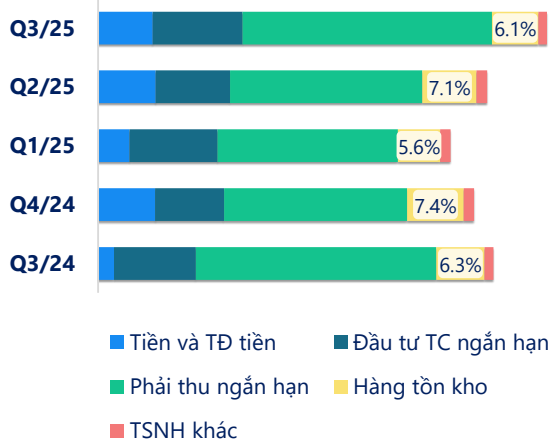
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



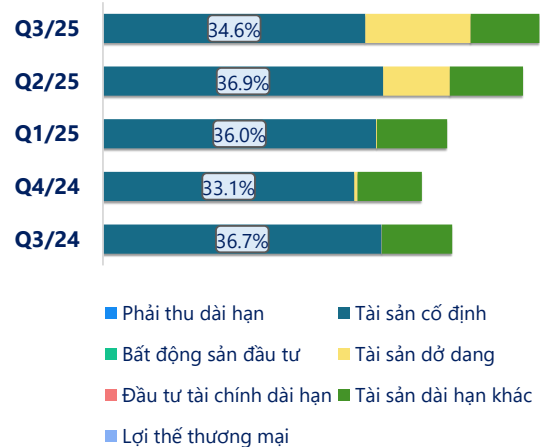
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

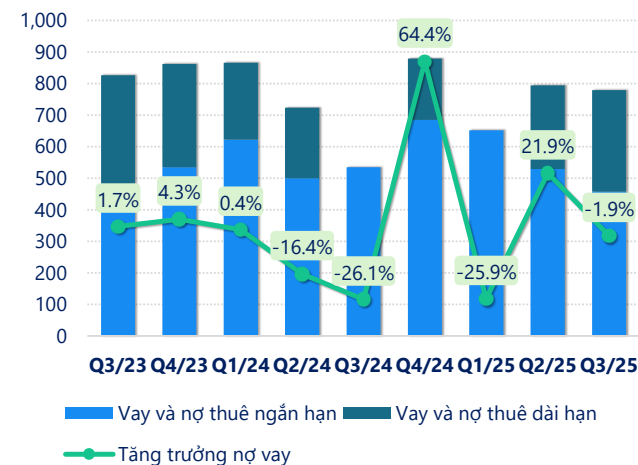
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

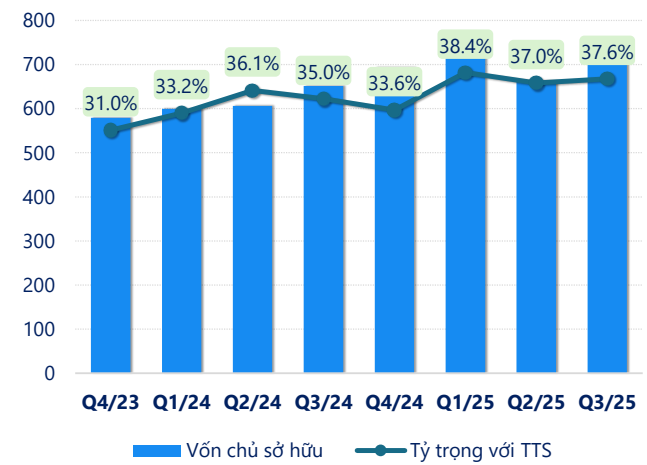
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

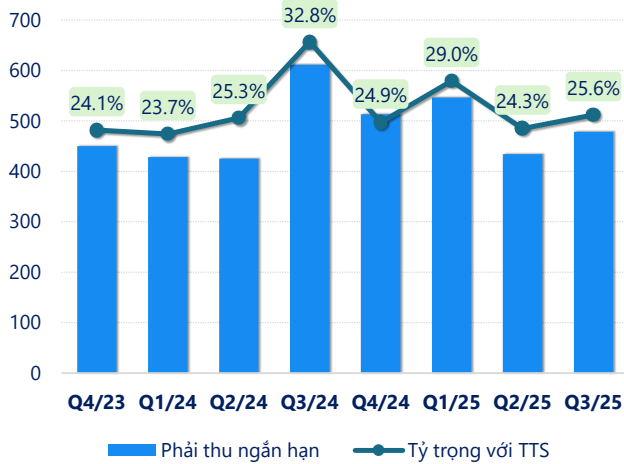
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



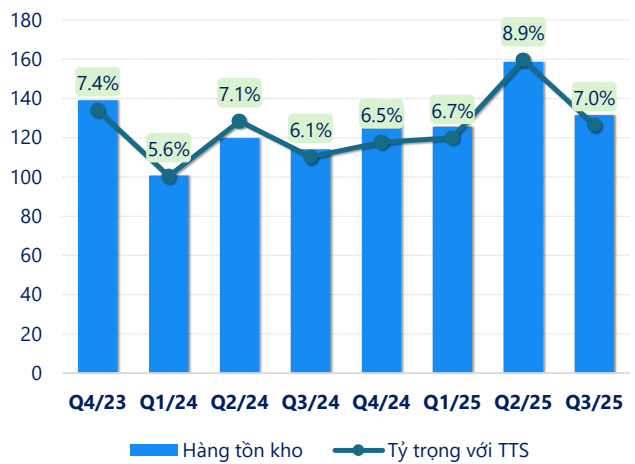
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


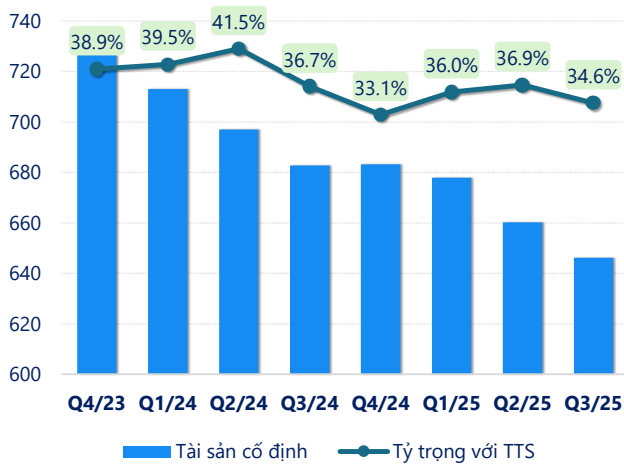
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


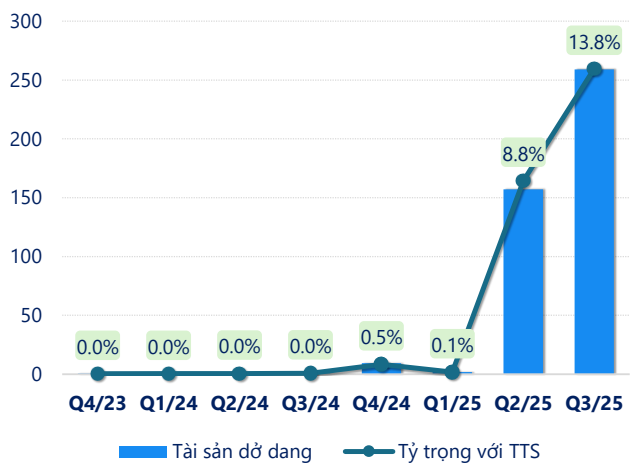
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

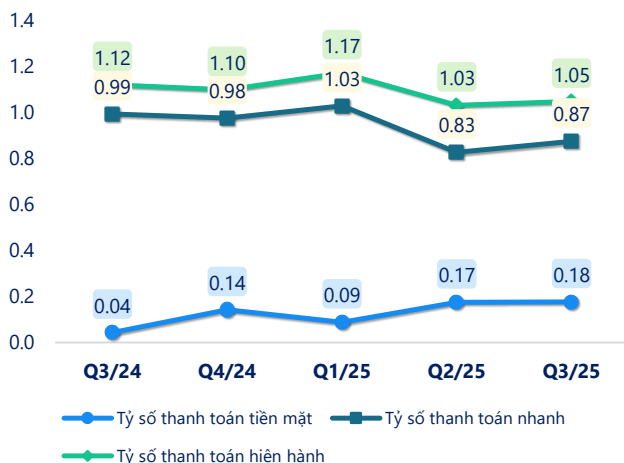
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

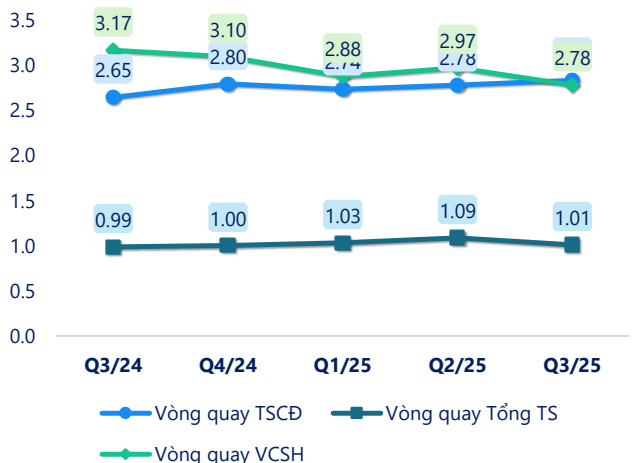
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,862	2,065	1,885	1,790	1,870
Tài sản ngắn hạn	1,006	1,199	1,031	800	796
Tiền và tương đương tiền	38.9	155	77.6	136	134
Đầu tư tài chính ngắn hạn	221	373	260	37.1	30.0
Phải thu ngắn hạn	611	513	546	434	479
Hàng tồn kho	114	135	126	159	131
Tài sản ngắn hạn khác	20.9	22.0	21.8	34.9	21.5
Tài sản dài hạn	856	867	854	989	1,075
Phải thu dài hạn	0.11	0.07	0.07	0.05	0.05
Tài sản cố định	683	683	678	660	646
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.87	9.36	1.82	157	259
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	172	174	174	172	169
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,210	1,372	1,162	1,127	1,168
Nợ ngắn hạn	898	1,091	880	776	759
Vay và nợ thuê ngắn hạn	535	685	652	529	458
Phải trả người bán ngắn hạn	139	209	101	119	128
Nợ dài hạn	312	281	282	351	408
Vay và nợ thuê dài hạn	0	195	0	265	321
Nguồn vốn chủ sở hữu	652	694	723	663	702
Vốn chủ sở hữu	652	694	723	663	702
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)